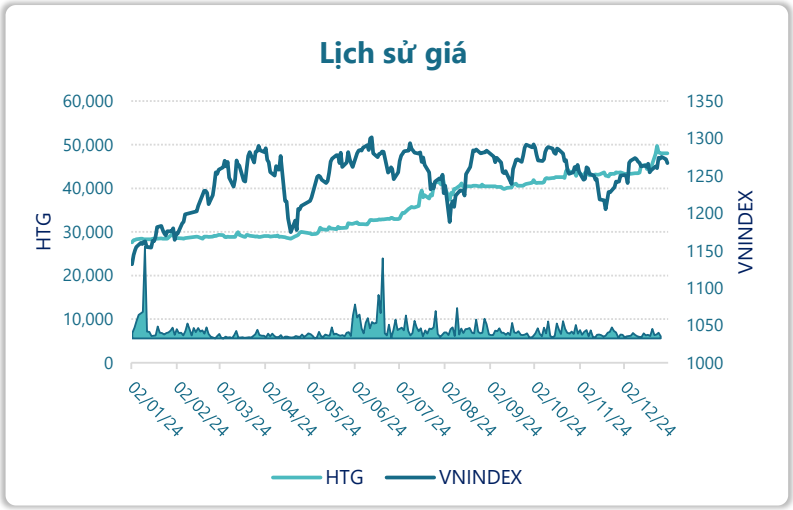
FireAnt

Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HSX: HTG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**48,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,609
SL cổ phiếu LH	36,002,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)	58,280
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,728
P/E	6.2
EPS	7,802

DT thuần

Q4/24

1,331

tỷ VNĐ

QoQ: ▼167| -11.1%

YoY: ▲ 211| 18.9%

LN sau thuế

Q4/24

94.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.2| 25.7%

YoY: ▲ 64.5| 219%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

2024

5,103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 403| 8.6%

LN sau thuế

2024

282

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 112| 66.3%

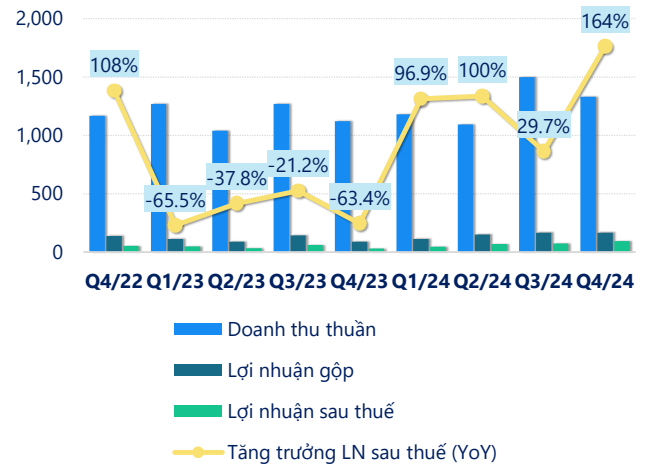
ROE

2024

31.9%

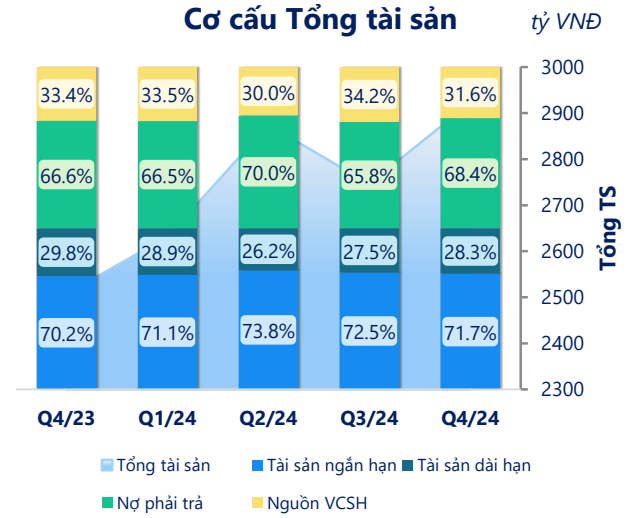
+/- YoY: ▲ 11.9%

Kết quả kinh doanh



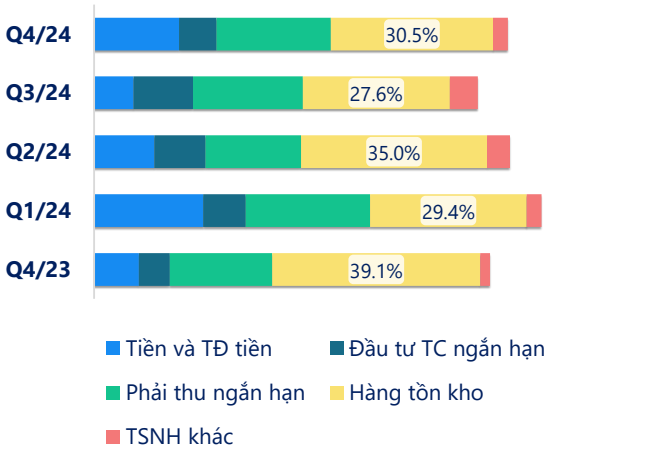
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



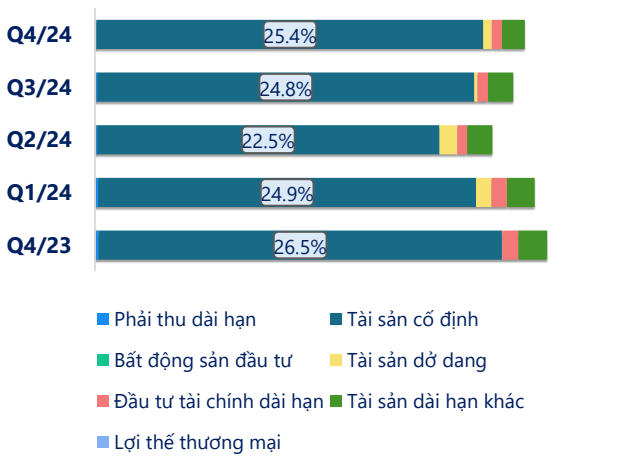
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



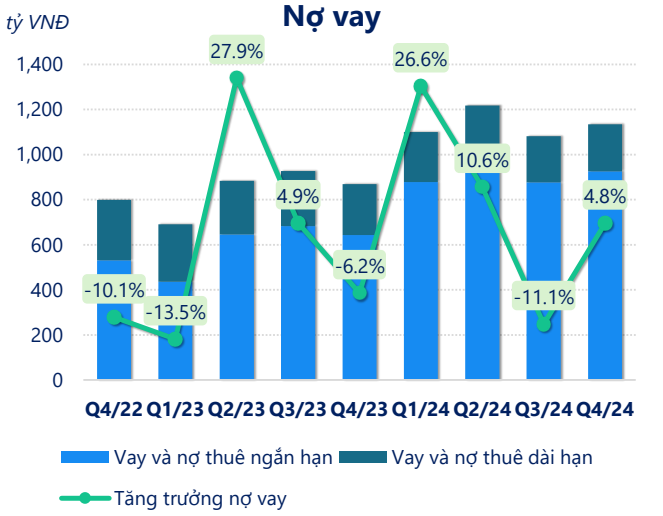
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



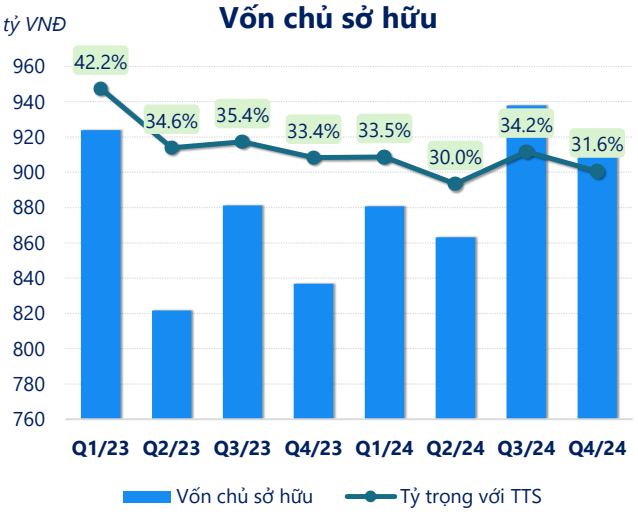
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



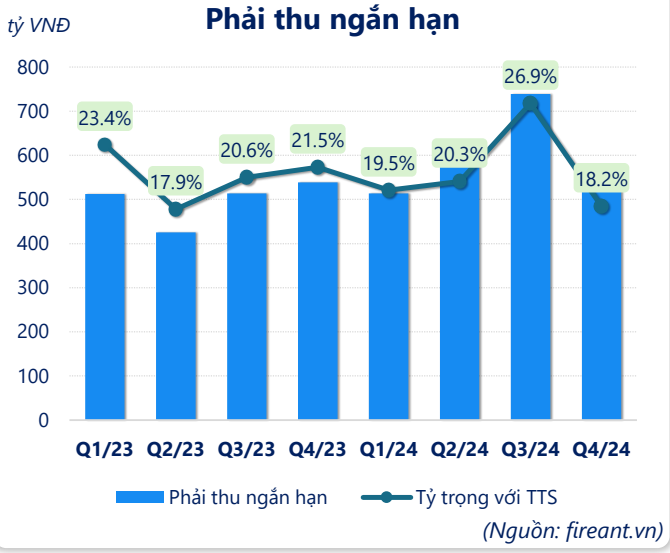
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



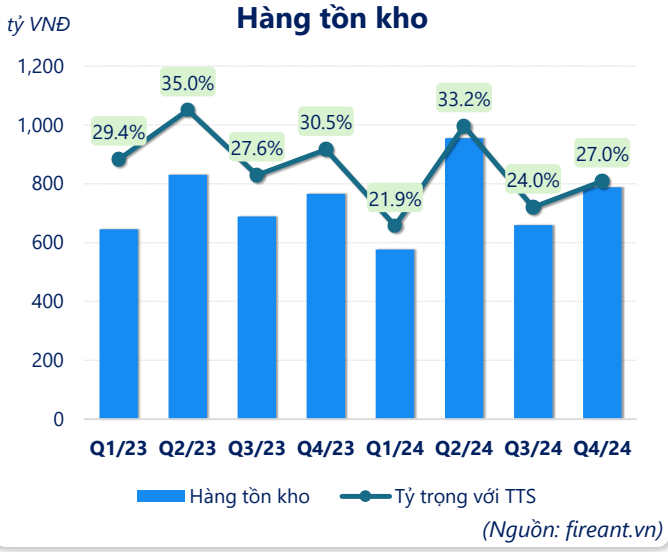
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



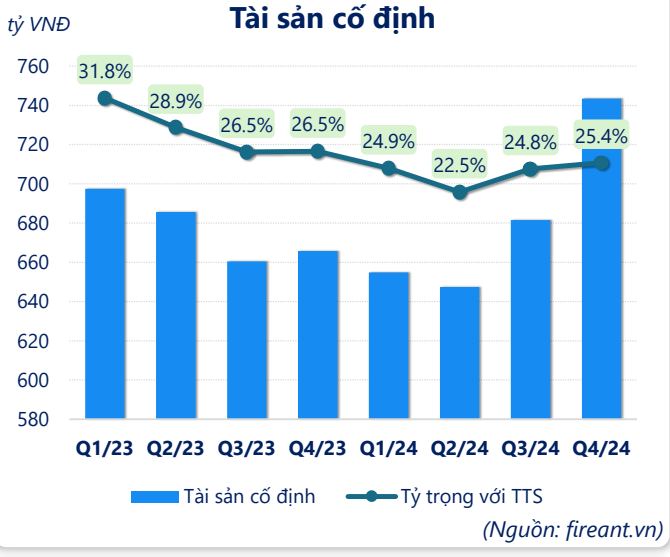
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



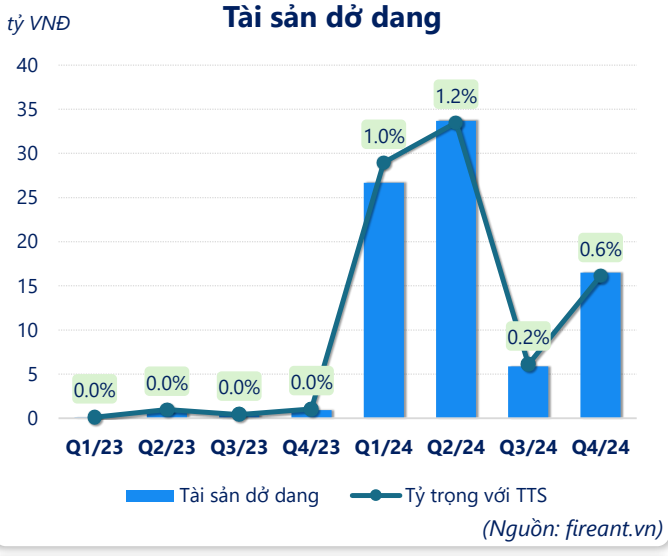
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



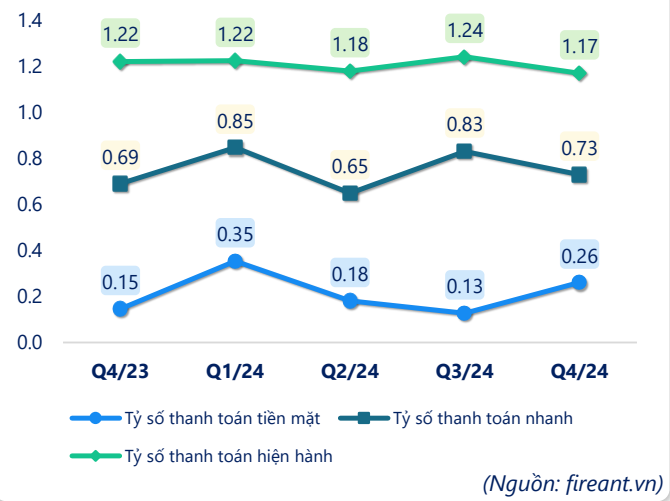
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



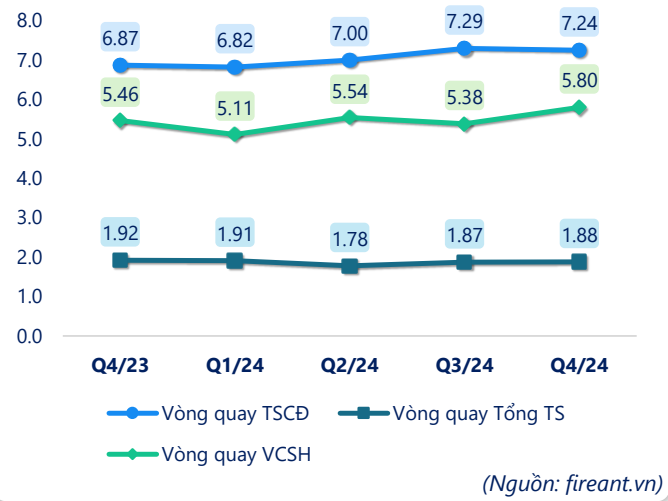
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,508**	**2,631**	**2,874**	**2,746**	**2,922**
Tài sản ngắn hạn	**1,761**	**1,870**	**2,123**	**1,990**	**2,095**
Tiền và tương đương tiền	211	540	326	204	467
Đầu tư tài chính ngắn hạn	177	176	205	342	254
Phải thu ngắn hạn	539	514	583	739	531
Hàng tồn kho	766	576	955	659	788
Tài sản ngắn hạn khác	68.9	64.0	53.4	46.8	54.4
Tài sản dài hạn	**746**	**761**	**752**	**756**	**827**
Phải thu dài hạn	5.85	5.40	4.24	4.24	3.34
Tài sản cố định	666	655	647	682	743
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.92	26.7	33.7	5.87	16.5
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.5	18.7	18.9	19.3
Tài sản dài hạn khác	47.9	48.0	47.8	45.5	44.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,671**	**1,751**	**2,011**	**1,809**	**1,998**
Nợ ngắn hạn	**1,441**	**1,527**	**1,799**	**1,602**	**1,790**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	643	878	1,006	876	926
Phải trả người bán ngắn hạn	232	212	335	194	275
Nợ dài hạn	229	224	212	206	208
Vay và nợ thuê dài hạn	226	222	211	205	208
Nguồn vốn chủ sở hữu	**837**	**881**	**863**	**938**	**924**
Vốn chủ sở hữu	**837**	**881**	**863**	**938**	**924**
Vốn điều lệ	360	360	360	360	360
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)